

Số: 43/2024/QĐST-HNGĐ

S, ngày 07 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* *Người yêu cầu:*

- Ông **Dương Ngọc T**, sinh năm 1990. Nơi cư trú: **thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam**.

- Bà **Phạm Thị Hồng T1**, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **tổ C, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng**. Chỗ ở hiện tại: **K38/25 L, tổ C, Phường A, Quận S, thành phố Đà Nẵng**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 02 năm 2024, người yêu cầu là ông **Dương Ngọc T** và bà **Phạm Thị Hồng T1** đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông **Dương Ngọc T** và bà **Phạm Thị Hồng T1** tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 26/12/2023, tại **UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng** (Giấy chứng nhận kết hôn số 145, ngày 26/12/2023).

Ông bà chung sống với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc do khác biệt quan điểm sống khiến cho mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông bà đều xác định không còn tình cảm gì với nhau

và đã thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 xác định vợ chồng chưa có con.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 đều xác định không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Vợ chồng ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 đều xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí việc hôn nhân gia đình: ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001829 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 145, do UBND phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 26/12/2023 không còn giá trị pháp luật).

* Về con chung: Ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 xác định vợ chồng chưa có con.

* Về tài sản chung: Vợ chồng ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 đều xác định không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Vợ chồng ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 đều xác định không có nợ chung.

2. Lệ phí việc hôn nhân gia đình: ông Dương Ngọc T và bà Phạm Thị Hồng T1 mỗi người phải chịu 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001829 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Sơn Trà;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- UBND phường Chính Gián, quận Thanh Khê,
thành phố Đà Nẵng, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thị Phước Hòa